

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: **27/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 16 - 3 - 2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 387/2020/TLST- HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX- ST ngày 25/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị B, sinh năm 1991;

- Bị đơn: Anh Điều H, sinh năm 1986;

Cùng nơi cư trú: Tổ 1, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 10/9/2020, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa nguyên đơn chị Thị B trình bày:*

Chị Thị B và anh Điều H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời nên thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Nay chị B

xét thấy mối quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Điều H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Điều T, sinh ngày 26/12/2015. Nay ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Điều H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của chị B về thời gian kết hôn, chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh H xác định vợ chồng mâu thuẫn nhau do chị B nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên vợ chồng không còn quan tâm nhau. Anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị B nên muốn đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn với chị B.

Nếu có căn cứ để Tòa án cho anh, chị ly hôn thì anh H cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã T hành tố tụng đúng quy định từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Thành phần các đương sự tham gia vụ án đúng theo quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì thêm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các lời khai của các đương, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho nguyên đơn chị Thị B được ly hôn với anh Điều H; giao con chung Điều T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: chị Thị B chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị B phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều H, anh H có nơi cư trú tại tổ 1, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Thị B Siêu và bị đơn Điều Lư vắng mặt lần thứ nhất nhưng đã có đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thị B và anh Điều H tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2010, khi kết hôn chị B và anh H đủ tuổi kết hôn theo quy định nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì theo chị B trình bày đến năm 2015, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn; anh H cho rằng vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn tình cảm do chị B nghi anh có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tòa án đã T hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị B nhất quyết ly hôn với anh H vì xét thấy tình cảm không còn nên không thể đoàn tụ. Anh H cho rằng còn tình cảm với chị B nên muốn đoàn tụ nhưng nếu chị B cương quyết ly hôn thì cũng đồng ý ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 22/02/2021 Ban áp nơi anh H, chị B sinh sống xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H là mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt nên hiện vợ chồng không còn chung sống cùng nhau; chị Thị B và anh Điều H cũng đề nghị Tòa án T hành xét xử vắng mặt. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, các đương sự đã có thời gian dài không chung sống cùng nhau và không muốn hòa giải đoàn tụ nên để ổn định cuộc sống cho các bên sau này cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Thị B.

[3] Về con chung: Chị Thị B và anh Điều H quá trình chung sống có 01 con chung tên Điều T, hiện nay con chung được chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên tranh chấp về quyền trực tiếp nuôi con chung nhưng Tòa án đã ra thông báo số 15/TB-TA ngày 17/12/2020 gửi các đương sự yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện nuôi con nhưng chỉ chị B cung cấp được bảng lương thu nhập ổn định hơn 6.000.000 đồng/tháng mà anh H không cung cấp được điều kiện cần thiết để được trực tiếp nuôi con chung nên để đảm bảo

sự phát triển bình thường về mọi mặt, cần chấp nhận yêu cầu của chị B, giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên yêu cầu của anh H về trực tiếp nuôi con là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Do chị Thị B chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thị B được ly hôn với anh Điều H.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47 ngày 03/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước).

- *Về con chung:* Giao con chung Điều T, sinh ngày 26/12/2015 cho chị Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Điều H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

- *Về cấp dưỡng:* Chị Thị B chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thị B đã nộp theo biên lai thu số 0002255 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học